

THÀNH NGỮ GỐC HÁN TRONG “THIÊN NAM NGŨ LỤC” QUA MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA

Bùi Duy Dương*

1. Đặt vấn đề

Thiên nam ngữ lục (TNNL) là tác phẩm Nôm, diễn ca lịch sử nước nhà từ thời Hồng Bàng đến thời Hậu Trần. Đoạn cuối gồm vài trăm câu viết về Lê triều kỷ và công cuộc Trung hưng thời Lê Trịnh, chỉ như một kết luận vắn tắt, với rất ít sự kiện lịch sử.

Với 8136 câu thơ lục bát và 31 bài thơ chữ Hán, 2 bài thơ Nôm, TNNL trở thành tác phẩm thơ Nôm dài nhất thời trung đại. Theo nghiên cứu của nhiều học giả, TNNL xuất hiện vào cuối thế kỷ XVII, thời Trịnh Căn (1682 – 1709) được phong là Đại Nguyên soái Thống Quốc chính (1685). Tác giả TNNL hiện vẫn được coi là khuyết danh.

Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu một tín hiệu ngôn ngữ nghệ thuật cụ thể là *những cụm từ cố định gốc Hán* hay còn gọi là *thành ngữ gốc Hán* (TNGH). Đây là một đơn vị từ vựng trong kho tàng từ vựng tiếng Việt. Hướng tiếp cận này sẽ cho chúng ta thấy được phần nào bức tranh các đơn vị từ vựng gốc Hán lúc bấy giờ. Những đơn vị đó đã ảnh hưởng thế nào đến ngôn ngữ văn học dân tộc và chúng hoạt động như thế nào trong kho từ vựng tiếng Việt là những vấn đề thú vị mà chúng tôi sẽ tìm hiểu.

2. Cách vận dụng TNGH trong TNNL

Trên bề mặt văn bản tác phẩm TNNL do Nguyễn Thị Lâm phiên âm, chú giải, kết hợp với việc tra cứu các cuốn từ điển thành ngữ gốc Hán như [4], [10]..., chúng tôi thống kê các câu thơ có chứa TNGH trong TNNL, với kết quả như sau:

- Trong toàn bộ 8136 câu thơ lục bát, có **115 lần sử dụng TNGH**. Nhà thơ đã vận dụng khéo léo **79 TNGH** với tần số xuất hiện từ 1 đến 5 lần, có 62 câu vận dụng 1 lần, 7 câu vận dụng 2 lần, 6 câu vận dụng 3 lần, 4 câu vận dụng 4 lần và 1 câu vận dụng 5 lần.

Trên cơ sở TNGH gốc (tiêu thể/điển thể) cũng như biến thể TNGH được vận dụng trong từng câu thơ, chúng tôi thấy cách khai thác TNGH của nhà thơ rất linh hoạt, sáng tạo. Có 3 cách vận dụng chính: giữ nguyên vẹn TNGH; dùng ý TNGH; cải biến TNGH (thêm hoặc bớt từ so với thành ngữ gốc).

2.1. Giữ nguyên vẹn TNGH: nghĩa là tác giả giữ nguyên hình thái cấu trúc cũng như ngữ nghĩa của câu thành ngữ gốc. TNGH được đưa vào câu thơ dưới dạng nguyên

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

khối, chỉ khác so với thành ngữ gốc ban đầu là đã được chuyển sang âm Hán Việt, có tất cả **39 lần vận dụng cách này**. Ví dụ như:

Hiếu hòa sự ấy kíp sao,
Dục tốc bất đạt trời nào có dung.
(câu số 1133-1134)

Như vậy, TNGH được vận dụng nguyên dạng là khá nhiều, chiếm 33% trong tổng số lần vận dụng TNGH. TNNL là một tập diễn ca lịch sử, tác giả đã vận dụng thể thơ lục bát của dân tộc để viết về các triều đại của Việt Nam. Với sự ảnh hưởng của Nho giáo, chế độ phong kiến Việt Nam mô phỏng nhiều theo chế độ phong kiến Trung Hoa. Vì vậy, những TNGH nói về chế độ triều chính của Trung Hoa cũng được vận dụng nguyên dạng khi nói về triều chính của Việt Nam. Sự xuất hiện của các TNGH như “cửu lưu tam giáo”, “đồng sàng đồng tịch”, “thùy y cùng thủ”... cũng là điều hợp lý.

Điều đáng lưu ý ở đây, không phải là số lượng các TNGH được vận dụng nguyên dạng nhiều hay ít mà quan trọng là tác giả đã vận dụng khéo léo các TNGH đó như thế nào để chúng đi vào trong câu thơ chữ Nôm một cách nhuần nhị, hợp lý nhất. Đó mới là tài năng của tác giả.

Với thể loại lục bát, tác giả phải tuân thủ khuôn hình và vần phổ biến nhất đã được sơ đồ hóa như sau:

Dòng thơ	Vị trí tiếng							
	1	2	3	4	5	6	7	8
Dòng 6 tiếng		Bằng		Trắc		Bằng (vần)		
Dòng 8 tiếng		Bằng		Trắc		Bằng (vần)		Bằng (vần)

Vì vậy, khi đưa những câu TNGH vào trong câu thơ lục bát, tác giả đã linh hoạt sử dụng phương thức thay đổi cấu trúc. Dựa vào đặc điểm phần lớn những TNGH là những thành ngữ kết cấu đối ứng có tính bình đẳng về cấu trúc và ngữ nghĩa giữa hai vế, tác giả có thể đảo vế, thay đổi trật tự giữa các yếu tố mà vẫn giữ nguyên ngữ nghĩa của đơn vị gốc. Việc đảo vế như vậy chủ yếu là để phù hợp với khuôn hình và vần của thể thơ lục bát.

TNGH thường có 4 yếu tố là ABCD, tác giả đảo vị trí thành ADCB như TNGH “tả xung hữu đột” (đột phá, tiến công linh hoạt từ mọi phía) thành “tả đột hữu xung” trong câu thơ sau:

Một mình *tả đột hữu xung*
Muôn quân chẳng sợ, ngàn vòng chẳng lo.
(câu số 397 – 398)

Tác giả vận dụng TNGH vào câu lục nên tiếng thứ 4 (“đột” - thanh trắc) và thứ 6 (“xung” - thanh bằng) phải tuân theo luật bằng trắc. Việc đảo vị trí của TNGH không những làm câu thơ đúng luật mà còn giúp cho TNGH đi vào thơ Nôm một cách hết sức tự nhiên.

Hay ABCD → CDAB như trong trường hợp sau:

Vốn lòng ái quốc trung quân,
Gặp thời bạt đẳng đem thân ra ngoài.

(câu số 3589 – 3590)

Tác giả đã đảo hai vế của câu TNGH “trung quân ái quốc” nhưng không làm thay đổi ý nghĩa của nó. Trong thời kỳ loạn lạc “nồi da nấu thịt” của 12 sứ quân, thủ lĩnh Trần Lâm nổi lên là một người có tấm lòng “ái quốc trung quân”, cai trị người dân rất tốt và mang nghiệp lớn “giang san quy về một mối”. Sau này, con trai nuôi của ông – Đinh Bộ Lĩnh, đã hoàn thành được nghiệp lớn, thống nhất đất nước và mở ra triều đại nhà Đinh.

Ngoài ra, một số TNGH được vận dụng biến đổi một yếu tố nhưng về bản chất vẫn là sử dụng nguyên dạng bởi yếu tố đó chỉ thay đổi do hiện tượng biến âm hoặc sử dụng từ đồng nghĩa. TNGH “văn võ kiêm toàn” khi thì dùng với biến thể “văn vũ kiêm toàn”, khi thì dùng với biến thể “văn võ song toàn”:

Gồm no văn võ song toàn (câu số 507)

Văn vũ kiêm toàn trung hiếu sánh no (câu số 5996)

2.2. Dùng ý TNGH: nghĩa là các tác giả phỏng dịch, diễn đạt lại câu thành ngữ gốc bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Qua nội dung câu thơ, người đọc có thể liên tưởng đến câu thành ngữ gốc mà nhà thơ vận dụng. Có **50 trường hợp** vận dụng như trên. Ví dụ, câu thơ sau dùng ý TNGH “tứ hải giai huynh đệ”:

Tuy chẳng một mẹ sinh ra,
Người trong bốn bể cũng là anh em.

(câu số 5109-5110)

Các TNGH được dịch nghĩa chiếm tỷ lệ 43,5% các trường hợp vận dụng TNGH trong TNNL. Nhiều thành ngữ được tác giả vận dụng nhiều lần như “xã thử thành hồ” (4 lần); “thần thông biến hóa”, “trợ quốc an dân”, “hồn phiêu phách lạc” (3 lần); “cải ác tùng thiện”, “kết duyên Tấn Tàn”, “hổ giả hổ uy” (2 lần)...

Một số thành ngữ được sử dụng lặp lại nhiều lần trong TNNL là do đặc trưng thể loại quy định. Là một tác phẩm diễn ca lịch sử, TNNL đã xây dựng các sự kiện lịch sử theo tình tiết, kết cấu của một tiểu thuyết dựa trên các bộ sử chính thống và phần lớn là dã sử, truyền thuyết và thần thoại. Với việc dựa vào những thể tài dân gian đó, những mô típ truyện giống nhau là điều khó tránh khỏi và việc vận dụng lại TNGH cũng là điều đương nhiên. Cụ thể như, nói về những kẻ lợi dụng thế lực lớn để làm những điều xằng bậy, không có gì đặc dụng hơn là dùng ý TNGH “xã thử thành hồ”:

Mở thông nẻo bể, đường rừng
Trong không chuột xã, ngoài không cáo thành.

(câu số 1775 – 1776)

Chuột thành đôi đũa càn đưa

Dân như cá cạn thoi cò thì lươn.

(câu số 7888 – 7889)

Những câu TNGH được dịch nghĩa rất sát ý và khéo léo trở thành câu thơ lục bát. Từ TNGH “đồng diện bất đồng tâm” (hình thức bề ngoài giống nhau nhưng thực chất bên trong có những điểm riêng khác), tác giả viết:

Nàng tua khuya sớm giữ coi,
Thế gian *đồng mặt*, mấy ai *đồng lòng*.

(câu số 859 – 860)

Trong trường hợp trên, nhà thơ không những dịch nghĩa câu TNGH mà trong quá trình vận dụng, ông còn mở rộng nghĩa cho TNGH. Ở thế gian này, không thiếu gì những kẻ bề ngoài giả vờ đồng ý, tuân theo nhưng trong bụng thì đầy mưu kế nham hiểm.

2.3. Cải biên TNGH: nghĩa là các tác giả vẫn sử dụng những từ Hán Việt trong TNGH nhưng đã có sự biến đổi về hình thái cấu trúc. Bằng phương pháp tỉnh lược hoặc chêm xen câu thành ngữ gốc, tác giả đưa chúng vào trong những câu thơ của mình hết sức tự nhiên, có **26 lần** tác giả vận dụng cách này, chiếm tỷ lệ 23,5% số lần vận dụng TNGH.

Mặc dù, đối với thành ngữ, tính cố định, bền vững về hình thái cấu trúc là một đặc trưng quan trọng, nhưng khi chúng được vận dụng để đưa vào trong thơ Nôm, những biến thể thành ngữ là điều khó tránh khỏi. Những biến thể làm cho thành ngữ trở nên linh hoạt hơn trong việc sử dụng, nhất là khi nó không làm ảnh hưởng đến ngữ nghĩa của thành ngữ gốc.

Phương pháp chêm xen, thêm từ vào câu thành ngữ gốc được tác giả vận dụng 4 lần. Trong quá trình vận dụng, nhà thơ không chỉ đơn thuần tách cấu trúc của thành ngữ Hán nguyên dạng, thêm từ vào giữa, mà còn có sự kết hợp đa dạng giữa tách cấu trúc với đảo vế, chuyển dịch... Cụ thể như hai trường hợp sau đây:

Còn lâu *phú quý* còn trường *công danh* (câu số 354)

Dân dân vô *sự* nhà nhà *bình yên* (câu số 7121)

Trong hai câu trên, tác giả đã thêm từ và đảo vị trí cấu trúc của 2 câu TNGH là “công danh phú quý” và “bình yên vô sự” để đưa vào câu thơ lục bát.

Phương pháp tỉnh lược, bớt một số từ trong câu thành ngữ gốc tỏ ra đặc dụng hơn, thể hiện qua 20 lần nhà thơ vận dụng theo phương pháp này. Những câu TNGH được tỉnh lược linh hoạt ở nhiều vị trí khác nhau trong câu thành ngữ gốc. Khi thì tỉnh lược về đầu như: “thọ tử Nam sơn” → *Nam sơn há sánh, núi trắng xem tây* (câu số 5782), khi thì tỉnh lược ở về sau như: “tao khang chi thể” → *Tớ còn tiếc nghĩa tao khang* (câu số 1691).

TNGH là những đơn vị có tính hàm súc, đã từ lâu đi vào tri thức của các nhà Nho nên việc tỉnh lược đi một vài chữ trong thành ngữ gốc vẫn không làm mất giá trị biểu trưng của chúng, cũng như không gây khó khăn cho sự tri nhận người đọc. Có những câu TNGH dài nhưng đã được nhà thơ tỉnh lược chỉ còn 2 từ đưa vào trong câu thơ:

Xa thư một mối *lâng lâng* (câu số 87)

Xa thư một mối, *giang san* vẹn toàn (câu số 2500)

Hai ví dụ trên đều là sự tỉnh lược của câu thành ngữ gốc “xa đồng dãi, thư đồng văn”. Tác giả vận dụng khéo léo câu TNGH trên để nói lên khát vọng muôn đời của nhân dân Việt Nam là thống nhất bờ cõi, giang sơn vẹn toàn.

3. Văn hóa chế độ qua thành ngữ gốc Hán trong TNNL

Ngôn ngữ có mối quan hệ mật thiết và gắn bó với văn hóa. Ngôn ngữ là vỏ vật chất để truyền tải văn hóa, là môi trường để kế thừa văn hóa. Ngôn ngữ là kết tinh của văn hóa, trong mỗi đơn vị ngôn ngữ chứa đựng nội hàm văn hóa phong phú. Từ vựng của một ngôn ngữ, cụ thể hơn ở đây là những thành ngữ, ẩn chứa trong nó những giá trị văn hóa lâu đời. Nếu hiểu theo nghĩa rộng, các đơn vị đó thể hiện cả 3 loại văn hóa là *văn hóa vật chất*, *văn hóa chế độ* và *văn hóa tâm lý* của một dân tộc. Ở đây, chúng tôi đi vào tìm hiểu văn hóa chế độ của Việt Nam được phản ánh qua những TNGH mà tác giả sử dụng trong tập diễn ca lịch sử TNNL.

Văn hóa chế độ là một bộ phận cấu thành của văn hóa loài người, là những chế độ, phong tục, và những học thuyết, chuẩn mực có liên quan được hình thành trong cuộc sống xã hội. Trong quá trình phát triển lịch sử lâu dài, dân tộc Hán đã hình thành nên những chế độ toàn vẹn và hệ thống như chế độ triều chính quan lại, chế độ tôn pháp gia đình, chế độ binh quyền, chế độ khoa cử giáo dục, chế độ pháp luật... Vì lẽ đó, TNGH cũng ẩn chứa trong nó những giá trị văn hóa chế độ từ ngàn đời của dân tộc Hán. Trải qua một nghìn năm Bắc thuộc, với sự tiếp xúc, giao thoa văn hóa sâu rộng, văn hóa Việt Nam đã có những ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Hán, nhất là trong thời kỳ đầu xây dựng nhà nước phong kiến, các khung giá trị, các chuẩn mực, các thiết chế phần nhiều được xây dựng theo văn hóa Trung Hoa.

Chế độ phong kiến Việt Nam được bao bọc trong ý thức hệ Nho giáo. Nhà vua phải là người đức độ, tài giỏi, học rộng tài cao, tinh thông “cửu lưu tam giáo” (chín phái thời Xuân Thu Chiến Quốc và ba đạo) (TNGH):

Thông biết sự cơ sự quyền

Cửu lưu tam giới ai phen trong đời.

(câu số 6117 – 6118)

Có như vậy, nhà vua Trần Nhân Tông mới cai trị được đất nước thanh bình, mới có sức mạnh để chống lại cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông lần thứ hai:

Thánh Tông miếu hiệu tôn vì,

Con là Trần Khâm *thùy y cửu trùng*.

(câu số 6097 – 6098)

Nhà thơ đã vận dụng tinh lược TNGH “thùy y cửu trùng” để nói đến cảnh nhà vua rửa tay chấp áo, không phải làm gì vì thiên hạ đã thái bình thịnh trị.

Bên cạnh đó, nhà vua còn có những vị tướng tài giỏi với dáng đi như rồng, bước đi như hổ “hổ bộ long thành” (TNGH) đúng khí phách của một vị anh hùng tướng quân:

Hòa thêm *hổ bộ long thành*,

Thiên biểu nhật giác thức hình đế vương.

(câu số 3961 – 3962)

Triều đình có được vững yên, hưng thịnh chính là do đội ngũ quan lại. Đó phải là những vị quan liêm chính, không tơ hào đến cái tóc của nhân dân, phải trừ bỏ những kẻ hoành hành cũng như tham nhũng:

Việc làm chẳng phạm hào thu,
Bao trừ tung hoành, bấy trừ những tham.
(câu số 3197 – 3198)

Tác giả đã vận dụng TNGH “thu hào bất phạm” (sợi lông chim mùa thu rất nhỏ cũng không động vào) xây dựng nên hình ảnh Khúc Hạo – một trong những người đầu tiên xây dựng nền tự chủ cho dân tộc ta.

Hình ảnh quan tướng triều đình phong kiến còn được nhắc đến là những người có tấm lòng trung quân ái quốc, luôn trung thành với nhà vua:

Quý ly tâu: Chẳng lệ chi!
Gặp khi *bạt đấng*, biết khi *thành thân*.
(câu số 7145 – 7146)

Gặp hoàn cảnh khó khăn, gặp khi hoạn lạc mới biết được đâu là bề tôi trung thành “bản đấng thức thành thân” (TNGH).

Qua những TNGH được tác giả vận dụng, chúng ta không chỉ thấy được những nét văn hóa của chế độ triều chính quan lại trong xã hội xưa mà còn thấy được những phép dùng binh trong chế độ quân đội thời phong kiến.

Trong mỗi trận đánh, phải “tùy cơ ứng biến”, tùy vào tình hình mà chọn chiến lược quân sự cho chính xác. Nghệ thuật quân sự của dân tộc Việt Nam thể hiện khá rõ qua những câu thơ có vận dụng TNGH sau:

Nội công ngoại ứng mờ đành nó hay (câu số 3407)
Ầm ầm tả đột hữu xung (câu số 1703)

Có những lúc cần tấn công tới tấp, trong ngoài “nội công ngoại ứng” (TNHG), trái phải “tả xung hữu đột” (TNGH) cùng xung trận, đánh vỡ mặt quân địch, làm cho quân địch không kịp ứng phó, nhưng có những lúc cần “dĩ dật đãi lao” (TNGH) (lấy sự an nhàn của ta mà đối phó với sự mệt mỏi của quân giặc):

Một là thần tốc cất binh,
Đôi là *đãi lão* liệu tình nào hơn.
(câu số 6199 – 6200)

Với phép dùng binh trên, triều đại nhà Trần đã làm nên những chiến thắng vang dội “ba lần thắng quân Nguyên Mông”, không những bảo vệ được chủ quyền đất nước mà còn góp thêm một nét mới trong nghệ thuật quân sự của thế giới.

4. Kết luận

Việc vận dụng các TNGH vào tập thơ Nôm đồ sộ nhất của Việt Nam đã chứng tỏ *tác giả đứng vững trên mảnh đất ngôn ngữ của dân tộc, tiếp thu một cách chủ động, sáng tạo*

những thành ngữ ngoại lai. Sử dụng hài hòa các TNGH trong kết cấu với các ngôn từ Việt đã tạo nên những câu thơ vừa có màu sắc trang nhã, cổ kính vừa giàu sắc thái biểu cảm và miêu tả. Qua việc vận dụng TNGH, chúng ta thấy được phần nào tài năng của tác giả trong quá trình lao động nghệ thuật, đặc biệt là việc vận dụng những yếu tố Hán học vào một thể tài đặc sắc của dân tộc Việt Nam – thể lục bát.

Chúng tôi nghiên cứu các TNGH trong tập thơ TNNL không chỉ nhằm thấy được ảnh hưởng của thi liệu Hán học vào ngôn ngữ văn học dân tộc mà qua đó còn chỉ ra *quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ văn học tiếng Việt* từ thời đại thi hào Nguyễn Trãi. Số lượng các yếu tố Hán học được vận dụng ngày càng ít qua từng thế kỷ, cụ thể như: *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi – thế kỷ XV) vận dụng TNGH với tỷ lệ 141/2032, *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* (Nguyễn Bỉnh Khiêm – thế kỷ XVI) có tỷ lệ 57/1416 và *Thiên Nam ngữ lục* (thế kỷ XVII) chỉ còn 109/8136.

Đồng thời, từ những nghiên cứu về mặt ngữ nghĩa của TNGH trong TNNL, chúng ta thấy được phần nào những nét văn hóa chế độ của triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Hồng Bàng đến hết thời Hậu Trần. Đó là những cách tổ chức để điều tiết các mối quan hệ trong cộng đồng, để ứng phó với thế giới khách quan, trong đó có chế độ quản lý, quân đội, pháp luật... và những mô thức hành vi trong quan hệ xã hội... Ngoài ra, qua thành ngữ, còn có thể khám phá những nét văn hóa vật chất, văn hóa tâm lý, nhưng chúng tôi xin được trình bày vào dịp khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Dung - Vũ Thùy Anh - Vũ Quang Hào, *Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam* (in lần thứ tư), NXB Văn hóa, Hà Nội, 2000.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt* (tái bản lần thứ tư), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
3. Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ* (tái bản lần thứ hai), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.
4. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội, 2004.
5. Nguyễn Bích Hằng - Trần Thanh Liêm, *Từ điển thành ngữ tục ngữ Hán Việt*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 2003.
6. Nguyễn Thị Lâm, *Thiên Nam ngữ lục*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001.
7. Nguyễn Lực, *Thành ngữ tiếng Việt*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2002.
8. Nguyễn Thị Tân, *Nhận diện thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt*, tạp chí *Ngôn ngữ*, số 12/2003, tr.16 - 25, 2003.
9. Trần Thị Thanh, *Tìm hiểu thành ngữ, tục ngữ trong “Thiên nam ngữ lục”*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Huế, 1996.
10. Nguyễn Như Ý - Nguyễn Văn Khang - Phan Xuân Thành, *Từ điển giải thích thành ngữ gốc Hán*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1994.

